

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ *Securities code*: **FUEIP100**

4. Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: **18/04/2025**

7. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares*.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1,800	5.08%
2	BCG	300	0.11%
3	BID	100	0.42%
4	BVH	100	0.53%
5	CMG	100	0.36%
6	CTG	400	1.73%
7	DBC	100	0.30%
8	DCM	100	0.36%
9	DGC	100	1.01%
10	DGW	100	0.37%
11	DIG	200	0.36%
12	DPM	100	0.38%
13	DXG	400	0.65%
14	EIB	700	1.47%
15	EVF	300	0.32%
16	FPT	600	7.62%
17	FRT	100	1.66%
18	GAS	100	0.67%
19	GEX	300	0.92%
20	GMD	200	1.07%
21	GVR	100	0.28%

22	HAG	300	0.43%
23	HCM	200	0.60%
24	HDB	1,200	2.88%
25	HDG	100	0.27%
26	HHV	200	0.28%
27	HPG	1,600	4.74%
28	HSG	200	0.31%
29	KBC	200	0.50%
30	KDC	100	0.64%
31	KDH	200	0.62%
32	LPB	1,300	5.07%
33	MBB	1,500	4.00%
34	MSB	1,000	1.27%
35	MSN	400	2.66%
36	MWG	500	3.30%
37	NAB	500	0.92%
38	NKG	200	0.28%
39	NLG	100	0.33%
40	OCB	600	0.73%
41	PAN	100	0.27%
42	PCI	100	0.24%
43	PDR	200	0.38%
44	PLX	100	0.39%
45	PNJ	100	0.81%
46	POW	300	0.42%
47	PVD	100	0.21%
48	PVT	100	0.24%
49	REE	100	0.75%
50	SAB	100	0.55%
51	SBT	200	0.37%
52	SHB	1,600	2.24%
53	SSB	900	2.02%
54	SSI	600	1.61%
55	STB	800	3.56%
56	TCB	2,000	6.04%
57	TCH	200	0.39%
58	TPB	600	0.91%
59	VCB	400	2.70%
60	VCG	100	0.26%
61	VCI	200	0.87%
62	VHM	500	3.30%
63	VIB	900	1.88%
64	VIC	500	4.12%

65	VIX	600	0.87%
66	VJC	100	1.02%
67	VND	500	0.89%
68	VNM	400	2.60%
69	VPB	1,900	3.65%
70	VRE	400	0.95%
II.	Tiền/Cash (VND)	46,861,327	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 861,595,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 908,456,327

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 46,861,327

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	24,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	35,850	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	109,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	46,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	23,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	56,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	69,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	64,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	26,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	13,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	16,550	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	15,400	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

0312
NG T
TNHH
HÀNH
QUY
G KH
P.A
JNG -

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan

